

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 09-01-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Văn Cường;
- Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 734/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Huỳnh Minh T, sinh năm 1983; địa chỉ: số E, khu phố I, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Châu Thành Â, sinh năm 1973; địa chỉ: số B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Võ Văn T1, sinh năm 1984; địa chỉ: 2 P, tổ I, khu G, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Minh T trình bày:

Ông Huỳnh Minh T kết hôn, đã ly hôn theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 18/2014/QĐST-VDS ngày 10/12/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ

Dầu Một, tỉnh Bình Dương và hiện chưa kết hôn với ai, số tiền ông T cho ông Châu Thành A vay là tiền riêng của ông T.

Ngày 02/6/2021, ông T cho ông A vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn trả nợ 03 tháng, thỏa thuận lãi suất bằng miệng từ 1,5% đến 3%/tháng, cùng ngày ông T đưa tiền cho ông A bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 112222256789 thuộc Ngân hàng TMCP Q của ông Võ Văn T1 theo yêu cầu của ông A. Để đảm bảo khoản tiền vay, ngày 03/6/2021 ông T và ông A ra văn phòng C để công chứng hợp đồng vay với nội dung ông A xác nhận vay của ông T số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật, thời hạn vay 03 tháng kể từ ngày hợp đồng vay được công chứng. Đến thời hạn trả nợ ông T yêu cầu ông A trả tiền gốc và tiền lãi nhưng ông A không trả và cố tình trốn tránh. Ngày 20/12/2022, ông T tìm gặp được ông A, ông A viết giấy cam kết trả nợ với số tiền 800.000.000 đồng, lý do ông A nhận nợ với số tiền 800.000.000 đồng là do từ khi vay ông A không có trả cho ông T được khoản tiền lãi nào nên ông A tự cộng thêm số tiền lãi 300.000.000 đồng và cam kết trong thời hạn 03 tháng sẽ trả tiền cho ông T nhưng đến thời hạn mà ông A cam kết, ông A vẫn không trả tiền cho ông T.

Cho nên, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông A phải trả tổng số tiền 925.000.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/9/2025 là 51 tháng trên mức lãi suất 1,67%/tháng: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% \times 51 \text{ tháng} = 425.000.000 \text{ đồng}$.

Quá trình tố tụng, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông T yêu cầu: buộc ông A phải trả tiền vay gốc 500.000.000 đồng; tiền lãi chậm thanh toán yêu cầu từ ngày 04/9/2021 đến ngày xét xử (làm tròn 52 tháng): $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 52 \text{ tháng} = 215.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 715.800.000 đồng.

- Về phía bị đơn ông Châu Thành A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn T1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời yêu cầu ông A và ông T1 có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng ông A và ông T1 không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án

triệu tập bằng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại: số B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Công an phường D xác định ông Châu Thành A có đăng ký thường trú tại: số B, khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không còn sinh sống, chính quyền địa phương không biết hiện ông A cư trú tại đâu và kết quả xác minh tại Công an phường P xác định ông T1 có đăng ký tạm trú tại: 2 P, tổ I, khu G, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có sinh sống. Đồng thời, nguyên đơn chỉ cung cấp được địa chỉ trên của ông A và ông T1, không biết địa chỉ hiện nay ông A và ông T1 đang sinh sống. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để triệu tập ông A và ông T1 về làm việc nhưng ông A và ông T1 đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án triệu tập ông A và ông T1 tham gia phiên tòa vào ngày 05/01/2026 và ngày 09/01/2026 nhưng ông A và ông T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A và ông T1 theo quy định của pháp luật.

Ông A và ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp bất cứ chứng cứ gì. Vì vậy, ông A và ông T1 phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng vào ngày 02/6/2021; sau đó hai bên có lập hợp đồng vay tiền, giấy cam kết có chữ ký xác

nhận của bị đơn; nguyên đơn xác định có thỏa thuận lãi suất nhưng thỏa thuận bằng lời nói, trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất cụ thể, nguyên đơn không có gì chứng minh cho việc hai bên có thỏa thuận lãi suất vay; thời hạn trả nợ 03 tháng. Đến thời hạn trả nợ, bị đơn không trả, ngày 20/12/2022 bị đơn viết giấy cam kết trả trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày viết giấy nhưng đến thời hạn cam kết bị đơn vẫn không trả cho nguyên đơn. Như vậy, có cơ sở xác định đây là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, nguyên đơn có quyền đòi lại số tiền cho vay khi thời hạn vay đến hạn. Trong suốt quá trình tố tụng vụ án, bị đơn không có ý kiến gì, và cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi chậm thanh toán: như phân tích ở trên, hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Ngày 03/9/2021 đến thời hạn trả nợ, bị đơn chưa trả số tiền 500.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thanh toán trên mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 04/9/2021 đến ngày xét xử (làm tròn 52 tháng): $500.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 52 \text{ tháng} = 215.800.000 \text{ đồng}$, căn cứ vào Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác” Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ” nên yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[7] Về chi phí đăng thông báo: nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Minh T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Châu Thành Á.

Buộc ông Châu Thành Á có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Minh T tổng số tiền 715.800.000 (bảy trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn) đồng; trong đó: số tiền nợ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng và tiền lãi chậm thanh toán 215.800.000 (hai trăm mười lăm triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về chi phí đăng thông báo: nguyên đơn tự nguyện chịu, được khấu trừ vào số tiền đã nộp.

3. Về án phí: ông Châu Thành Á chịu 32.632.000 (ba mươi hai triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Huỳnh Minh T số tiền 19.875.000 (mười chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029987 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS KV 16 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thụy